TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2017/DS-PT
Ngày 18 tháng 7 năm 2017
V/v: "Tranh chấp tài sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Yên;

Các thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Bà Huỳnh Thanh Duyên.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Anh Tuấn- Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 127/2016/TLPT – DS ngày 07/6/2016 về việc "Tranh chấp di sản thừa kế; Yêu cầu chia tài sản chung là di sản thừa kế; Yêu cầu hủy quyết định cá biệt về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2016/DSST ngày 20 tháng 4 năm 2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 422/2016/QĐPT – DS ngày 29 tháng 7 năm 2016, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Cao Văn L, sinh năm: 1944.
Địa chỉ: 118/23, đường L, khóm 1, phường 3, thị xã SĐ, tỉnh Đồng Tháp.
*** Bị đơn:** Anh Cao Hiếu N, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: 653B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.
*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
1/. Bà NLQ1, sinh năm: 1952.

Địa chỉ: Ấp B, xã TA, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

2/. Bà NLQ2, sinh năm: 1948.

Địa chỉ: 25462, Esrose KT Lake Forest, CA 92630, USA.

3/. Bà NLQ3, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: 69, đường N, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

4/. Chị NLQ4, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: 653B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của anh N, bà NLQ3, chị NLQ4: Anh Nguyễn Đình K, sinh năm: 1986 (Các văn bản ủy quyền ngày 08/5/2012, ngày 06/8/2012, ngày 28/3/2016 và ngày 19/4/2016).

Địa chỉ: 258, tổ 7, khu phố 5, phường MP, thị xã BC, tỉnh Bình Dương.

5/. NLQ5.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5: Ông Nguyễn Hải B- Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường, ông Tôn Thất H– Chuyên viên phòng Tài nguyên và môi trường (Văn bản ủy quyền số 3612 /UBND-NC ngày 08/9/2015).

* **Người kháng cáo**: Nguyên đơn – Cao Văn L, bị đơn – Cao Hiếu Nghĩa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các đơn khởi kiện ngày 26/4/2011, ngày 18/7/2011, ngày 10/10/2014, các bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Cao Văn L đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ2 và NLQ1 trình bày:

Cha mẹ ông là cụ ông Cao Văn Đ, sinh năm: 1915 (chết năm 2003); cụ bà Dương Thị B1, sinh năm: 1925 (chết năm 1998). Cha mẹ ông có tất cả 04 người con gồm: Ông (Cao Văn L), bà NLQ2, bà NLQ1 và ông Cao Văn C. Ngoài 04 người con nêu trên, cụ Điệt và cụ Bông không còn người con nào khác kể cả con nuôi, con ngoài giá thú. Lúc còn sống, cụ Đ và cụ B1 là chủ sở hữu nhà và quyền sử dụng đất diện tích 167m^2, thửa số 308, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 635B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai. Khi cha mẹ ông qua đời không để lại di chúc, do đó căn nhà và đất trên thuộc tài sản chung của các đồng thừa kế.

Ngày 30/5/2007, gia tộc ông họp mặt tại căn nhà số 653B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai và lập biên bản gia tộc với nội dung: "…Bốn anh em ruột đều đồng ý để ngôi nhà số 653B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai cho em út tên là: Cao Văn C được ở, làm ăn, sinh sống, thờ cúng cha mẹ, chứ không được quyền sang bán, mọi sự liên quan đến ngôi nhà và đất đều phải được sự đồng ý của bốn anh em chúng tôi…". Sau đó, ông nhận thấy em ông là ông Cao Văn C có biểu hiện không trong sáng, không được bình thường đối với tài sản chung của các đồng thừa kế là nhà đất của cha mẹ ông để lại. Do đó, ngày 01/4/2011 ông và em gái ông là bà NLQ1 làm đơn khiếu nại gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Ngày 25/4/2011, ông đến Ủy ban nhân dân xã TP thì được biết ông Cao Văn C đã được NLQ5 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà đất mà cha

mẹ ông để lại. Nay ông yêu cầu Tòa án hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà NLQ5 đã cấp cho ông Cao Văn C đối với diện tích đất do cha mẹ ông để lại; Yêu cầu chia di sản thừa kế của cha ông chết để lại; Chia tài sản chung là di sản của mẹ ông chết để lại là toàn bộ nhà đất tại số 653B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai và số tiền đền bù đất nhà nước chi trả do bị đơn đã nhận và quản lý là 179.060.000đ theo quy định của pháp luật cho 4 đồng thừa kế là gồm ông, bà NLQ1, bà NLQ2 và ông C. Ông và các bà NLQ1, bà NLQ2 xin được nhận bằng giá trị.

Việc bị đơn xuất trình Giấy ủy quyền lập ngày 25/7/1995 và tờ Di chúc thừa kế lập ngày 08/7/1998 là không hợp pháp vì không phải chữ ký, chữ viết của cha mẹ ông và các thông tin như năm sinh, ngày chết của cha, mẹ ông ghi trong các văn bản trên là không chính xác, chứng tỏ không phải do cha mẹ ông lập ra.

Bà NLQ1, bà NLQ2 đề nghị kỷ phần của hai bà thì ông được quyền nhận và quản lý cho hai bà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xin hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Cao Văn C.

Theo bản tường trình, bản tự khai, biên bản hòa giải, biên bản đối chất và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Đình K trình bày:

Ông Cao Văn C chết ngày 23/6/2011, là một trong bốn người con của ông cụ Cao Văn Đ, sinh năm: 1915 (chết năm 2003); bà cụ Dương Thị B1, sinh năm: 1925 (chết năm 1998) và là cha ruột của anh Cao Hiếu N. Ngoài ông C thì cụ Đ và cụ B1 còn có 03 người con khác là ông Cao Văn L, bà NLQ2, bà NLQ1 đúng như ông L trình bày. Ông Cao Văn C sinh sống với cha mẹ là cụ Đ và cụ B1 từ khi sinh ra đến khi hai cụ qua đời. Trong quá trình chung sống với cha mẹ, ông C đã chăm sóc và phụng dưỡng cha mẹ chu đáo còn các anh chị em của ông C đã có gia đình riêng và ở xa nên không trực tiếp chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ. Vào năm 1993, cụ Đ và cụ B1 đã cho lại ông C toàn bộ diện tích đất 118m^2, tọa lạc tại ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai. Đến tháng 01/1994, ông C làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15/7/1998, ông C đã được NLQ5 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 425623 đối với diện tích 118m^2, thửa đất số 561, tờ bản đồ số 11 (nay là thửa đất số 308, tờ bản đồ số 26). Sau khi ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông C vẫn tiếp tục sống chung với cụ Đ, cụ B1. Như vậy, ông C đã được cha mẹ ruột cho đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông C là hoàn toàn hợp pháp, đúng trình tự thủ tục về đăng ký, kê khai đất theo quy định của pháp luật. Trước khi chết, cụ B1 và cụ Đ đã làm giấy tờ cho ông C toàn bộ nhà đất thể hiện bằng Giấy ủy quyền lập ngày 25/7/1995 và tờ Di chúc thừa kế lập ngày 08/7/1998 có chứng thực của UBND xã TP. Do vậy, anh N không đồng ý với tất cả các yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà NLQ3 trình bày: Bà là mẹ ruột của anh Cao Hiếu N, bà thống nhất với lời trình bày của anh N, anh K. Bà không tranh chấp, không yêu cầu đối với tài sản mà tài sản tranh chấp để lại cho anh N và bà đã ủy quyền cho anh K tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị NLQ4 trình bày: Chị là vợ của anh Cao Hiếu N, chị thống nhất với lời trình bày của anh N. Từ khi kết hôn, chị về chung sống trong gia đình anh N, tài sản của gia đình chồng chị không biết. Chị đã ủy quyền cho anh K tham gia tố tụng. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5 tại các bản tự khai trình bày:

Nguồn gốc phần diện tích đất thổ cư 118m^2 tọa lạc tại ấp 2, xã TP trước đây là do bà Nguyễn Thị N1 đứng tên trong sổ bộ. Vào năm 1953, bà N1 cho ông Cao Văn Đ thuê mướn và cất nhà ở. Đến năm 1955, bà N1 làm giấy tay chuyển nhượng thửa đất này cho cụ Đ nhưng do chiến tranh nên giấy tờ bị thất lạc. Từ năm 1953, gia đình ông Cao Văn C (là con của ông Cao Văn Đ) xây dựng nhà ở kiên cố và ở trên mảnh đất này cho đến nay. Ngày 06/01/1994, ông Cao Văn C có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử ghi nguồn gốc đất do ông Cao Văn Đ để lại từ năm 1993. Trong đơn có ý kiến của hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã TP ghi "Không cấp thửa đất 561, tờ bản đồ số 11 vì đang có tranh chấp với Âu Phát" và quyết định của NLQ5 là "Chưa cấp". Sau đó, ông C có đơn khiếu nại. Ngày 01/7/1998, Phòng Địa chính có biên bản làm việc về khiếu nại của ông C và có ý kiến kiến nghị NLQ5 quyết định công nhận quyền sử dụng đất thổ cư có diện tích 118m^2, tọa lạc tại ấp 2, xã TP cho ông Cao Văn C. Ngày 15/7/1998, Chủ tịch NLQ5 ban hành Quyết định số 315/1998/QĐ-UBH về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông C. Theo Điều 1 của Quyết định quy định: "Công nhận quyền sử dụng đất thổ cư có diện tích 118m^2, tọa lạc tại ấp 2, xã TP cho ông C, ngụ tại xã TP". Trên cơ sở quyết định nêu trên thì NLQ5 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C đối với thửa đất số 561, tờ bản đồ số 11, xã TP có vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1405.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2016/DSST ngày 20 tháng 4 năm 2016, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ các Điều 25, 32a, 34, điểm c khoản 1 Điều 192, Điều 195, 199, 202 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 305, các Điều 631, 633, 634, 635, 645, 646, 649, 652, 655, 674, 675, 676 và 733 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ cầu khởi kiện của ông Cao Văn L về việc yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của NLQ5 cho ông Cao Văn C do nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn L xin chia tài sản chung là di sản của cụ Dương Thị B1 chết để lại.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế" của ông Cao Văn L đối với di sản của cụ Cao Văn Đ chết để lại.

Giao cho anh Cao Hiếu N trực tiếp quản lý, sở hữu căn nhà (xây dựng năm 1971) có cấu trúc: Móng, cột xây gạch, cột phía trước bê tông cốt thép đúc sẵn, ô văng bê tông cốt thép; tường xây gạch dày 100, quét vôi, nền gạch men, trần ván ép, mái lợp tôn, xà gồ gỗ; nhà vệ sinh và căn nhà xây dựng năm 2011 có cấu trúc: Móng, cột xây gạch, nền gạch ceramic, mái lợp tôn. Hai căn nhà trên thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 26, toạ lạc tại số 653B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai. Anh Cao Hiếu N được quyền sử dụng diện tích đất 122,8m^2 thuộc thửa số 308, tờ bản đồ số 26 xã TP (số thửa cũ là 561 bản đồ số 11 – Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 425623 do UBND huyện VC cấp ngày 15/7/1998 cho ông Cao Văn C), theo bản vẽ số 090 ngày 03/10/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh huyện VC.

Anh Cao Hiếu N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và chấp hành đúng quy hoạch, thu hồi đất của Nhà nước.

Anh Cao Hiếu N có trách nhiệm thanh toán các kỷ phần thừa kế cho ông Cao Văn L. Các kỷ phần thừa kế của ông Cao Văn L, bà NLQ2 và bà NLQ1 tổng số tiền là 241.118.200đ (Hai trăm bốn mươi mốt triệu, một trăm mười tám ngàn, hai trăm đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo vụ án theo Luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/4/2016, bị đơn Cao Hiếu N kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Ngày 29/4/2016, nguyên đơn ông Cao Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và giữ nguyên bản án số 04/2016/DS-ST ngày 20/4/2016 về việc "Tranh chấp chia tài sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Xét nội dung đơn kháng cáo và đối chiếu với bản án sơ thẩm đã xét xử thì thấy:

Về thủ tục tố tụng: Căn cứ Điều 37, Điều 38 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Về nội dung: Cụ Cao Văn Đ (chết năm 2003), cụ Dương Thị B1 (chết năm 1998) là vợ chồng, trong quá trình chung sống có được 04 người con: Cao Văn L, NLQ2, NLQ1 và Cao Văn C.

Cao Văn C (chết năm 2011, có vợ là bà NLQ3, đã ly hôn năm 2010, ông C bà NLQ3 có một con chung tên Cao Hiếu N).

Sinh thời, cụ Đ và cụ B1 có tạo lập khối tài sản gồm ngôi nhà và đất có diện tích 167m^2 , thửa số 308, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 635B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai.

Xét yêu cầu của ông Cao Văn L về việc chia tài sản chung là di sản của mẹ ông cụ Dương Thị B1 để lại với lý do thời hiệu chia thừa kế đã hết và các đồng thừa kế đã có văn bản thỏa thuận tài sản chung. Chứng cứ ông L đưa ra là: Biên bản họp gia tộc lập ngày 30/5/2007 có chữ ký xác nhận của trưởng ấp (BL 48). Tuy nhiên, phía bị đơn không đồng ý vì cho rằng không phải chữ ký của ông Cao Văn C trong biên bản họp gia tộc. Kết quả giám định: không kết luận được vì không có mẫu chữ ký so sánh cùng thời điểm. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của ông L vì không có căn cứ xác định khối tài sản của cụ B1 là do các đương sự thỏa thuận đây là tài sản chung là phù hợp.

Xét yêu cầu của ông L về việc chia di sản thừa kế đối với cụ Cao Văn Đ thì thấy: Cụ Cao Văn Đ chết năm 2003, đến năm 2011 ông Cao Văn L khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là còn thời hiệu. Phía bị đơn anh Cao Hiếu N không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ với lý do: vào năm 1993 cụ Đ và cụ B1 đã cho lại ba anh là ông C toàn bộ diện tích đất 118m^2 , tọa lạc tại ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai. Đến tháng 01/1994, ông Châu làm đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 15/7/1998, ông C đã được NLQ5 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 425623 đối với diện tích 118m^2 thửa đất số 561, tờ bản đồ số 11 (nay là thửa đất số 308, tờ bản đồ số 26). Sau khi ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông C vẫn tiếp tục sống chung với cụ Đ, cụ B1. Như vậy, ông C đã được cha mẹ ruột cho đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp cho ông C là hoàn toàn hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục về đăng ký, kê khai đất theo quy định của pháp luật. Hơn nữa trước khi chết cụ Đ và cụ B1 đã làm

giấy tờ cho ông C toàn bộ nhà đất thể hiện bằng giấy ủy quyền lập ngày 25/7/1995 và tờ di chúc thừa kế lập ngày 08/7/1998 có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã TP. Cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến của anh N và xác định tài sản của cụ Đ được chia thừa kế theo pháp luật với lý do: "Di chúc thừa kế" lập ngày 8/7/1998 các đương sự không cung cấp được mẫu chữ ký của cụ Đ để đối chiếu, so sánh và giám định. Ngoài ra phía nguyên đơn cho rằng di chúc không phải do cụ Đ lập ra vì nội dung ngày tháng ghi trong di chúc là sai và không hợp lý. Do đó, cấp sơ thẩm không công nhận nội dung di chúc là hợp pháp là phù hợp.

Đối với tài sản là di sản thừa kế, cấp sơ thẩm xác định: diện tích nhà, đất của cụ Đ và cụ B1 qua đo đạc thực tế là 122,8m^2 có 53,6m^2 nằm trong lộ giới (không bao gồm phần diện tích giải tỏa đã được bồi thường). Gồm nhà có giá trị: 48.667.500đ, giá trị quyền sử dụng đất: 576.000.000đ và số tiền 179.060.000đ (do nhà nước thu hồi đất. Như vậy, tổng giá trị tài sản là 803.727.500đ là phù hợp.

Một nửa giá trị tài sản là di sản của cụ B1 đã hết thời hiệu chia thừa kế và không được xác định là tài sản chung. Còn lại một nửa giá trị tài sản là 401.863.750 đồng được xem là di sản của cụ Đ và chia thừa kế theo pháp luật.

Phương thức chia: Diện được hưởng thừa kế là 04 người gồm: L, NLQ1, NLQ2 và C. Tuy nhiên, lúc cụ Đ cụ B1 còn sống và già yếu có công sức chăm sóc, đóng góp của ông C, ngoài ra ông C anh N còn có công sức giữ gìn bảo quản di sản nên cấp sơ thẩm tính công sức chăm sóc cha mẹ, đóng góp, giữ gìn bảo quản di sản được tính bằng một kỷ phần thừa kế là phù hợp theo nội dung án lệ số 05 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy di sản của cụ Đ được chia làm 05 phần cho 04 người và ông C được hưởng thêm một phần, mỗi phần có giá trị là 401.863.750đ : 5 = 80.372.500đ.

Xét thấy cấp sơ thẩm đã xét xử phù hợp theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án mà cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng không đưa ra được những chứng cứ khác ngoài những chứng cứ đã được thu thập, kiểm tra, đánh giá ở cấp sơ thẩm. Do đó, cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn.

Tại phiên tòa ngày hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát cấp cao đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, giữ y bản án sơ thẩm phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Do kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không được chấp nhận nên phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Cao Văn L và anh Cao Hiếu N.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2016/DS-ST ngày 20/4/2016 về việc Tranh chấp tài sản thừa kế và yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng khoản 2 Điều 305, các Điều 631, 633, 634, 635, 645, 646, 649, 652, 655, 674, 675, 676 và 733 Bộ luật dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn L về việc yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của NLQ5 cho ông Cao Văn C do nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn L xin chia tài sản chung là di sản của cụ Dương Thị B1 chết để lại.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp chia di sản thừa kế" của ông Cao Văn L đối với di sản của cụ Cao Văn Đ chết để lại.

Giao cho anh Cao Hiếu N trực tiếp quản lý, sở hữu căn nhà (xây dựng năm 1971) có cấu trúc: Móng, cột xây gạch, cột phía trước bê tông cốt thép đúc sẵn, ô văng bê tông cốt thép; tường xây gạch dày 100, quét vôi, nền gạch men, trần ván ép, mái lợp tôn, xà gồ gỗ; nhà vệ sinh và căn nhà xây dựng năm 2011 có cấu trúc: Móng, cột xây gạch, nền gạch ceramic, mái lộp tôn. Hai căn nhà trên thuộc thửa đất số 308, tờ bản đồ số 26, tọa lạc tại số 653B, tổ 1, ấp 2, xã TP, huyện VC, tỉnh Đồng Nai. Anh Cao Hiếu N được quyền sử dụng diện tích đất 122,8m^2 thuộc thửa số 308, tờ bản đồ số 26 xã TP (số thửa cũ là 561 bản đồ số 11- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 425623 do NLQ5 cấp ngày 15/7/1998 cho ông Cao Văn C), theo bản vẽ số 090 ngày 03/10/2012 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai chi nhánh huyện VC.

Anh Cao Hiếu N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và chấp hành đúng quy hoạch , thu hồi đất của Nhà nước.

Anh Cao Hiếu N có trách nhiệm thanh toán cho ông Cao Văn L các kỷ phần thừa kế của ông Cao Văn L, bà NLQ2 và bà NLQ1 tổng số tiền là 241.118.200đ (Hai trăm bốn mươi mốt triệu một trăm mười tám ngàn hai trăm đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Cao Văn L, anh Cao Hiếu N, mỗi người chịu 200 ngàn tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 004987 ngày 16/5/2016 và biên lai số 004982 ngày 04/5/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai. Ông L, anh N đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Nguyên đơn (1);
- Bị đơn (1);
- NLQ (5);
- Lưu (3). 15b.(Án 18)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Văn Yên